

Số: 206 /BC - CT

Vĩnh Ngọc, ngày 20 tháng 9 năm 2024

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm học: 2023 – 2024**

*(Về thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường, theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT)*

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Tên nhà trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).**

Tên trường : Trường THCS Cao Thắng

#### **2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).**

429 Lương Định Của – Vĩnh Ngọc – Nha Trang – Khánh Hoà

Thư điện tử: c2cthang.nt@khanhhoa.edu.vn

Trang web: <https://c2cthang-nt.khanhhoa.edu.vn>

#### **3. Loại hình cơ sở giáo dục**

Công lập chịu sự quản lý trực tiếp của UBND Thành Phố Nha Trang

#### **4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**

##### **4.1. Sứ mệnh**

Trường THCS Cao Thắng cam kết mang đến một môi trường giáo dục toàn diện, nơi học sinh được phát triển cả về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất. Nhà trường đặt mục tiêu giúp học sinh trở thành những công dân có trách nhiệm, tự tin, sáng tạo và có năng lực đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại.

##### **4.2. Tầm nhìn**

Trường THCS Cao Thắng phấn đấu trở thành một trong những cơ sở giáo dục tiêu biểu của Tp Nha Trang Khánh Hòa, nơi mà các thế hệ học sinh không chỉ đạt thành tích cao trong học tập mà còn phát triển toàn diện về nhân cách và kỹ năng sống. Trường hướng tới xây dựng một môi trường học tập năng động, lấy học sinh làm trung tâm, khuyến khích tinh thần học tập suốt đời và sáng tạo không ngừng.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập .

Là một trong những trường THCS có chất lượng giảng dạy trong cụm 5 của TP Nha Trang

Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường THCS cao Thắng, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

#### **4.3. Mục tiêu**

Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Chương trình GDPT 2018) bảo đảm thực hiện và hoàn thành chương trình năm học; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục trung học.

*(Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Quyết định số 712/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Hàn và Tiếng Đức-Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm thí điểm. Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (QPAN);)*

Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông.

Chú trọng thực hiện công tác phát triển mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai CT GDPT 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm chất lượng thực hiện CT GDPT 2018; chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên.

Thực hiện hiệu quả việc quản lý giáo dục, quản trị trường học; bảo đảm dân chủ,

kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả trong các cơ sở giáo dục trung học; tổ chức tốt các phong trào thi đua. Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn, giám sát, thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền

Triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục; tập trung thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

**Mục tiêu cụ thể**

- Tỷ lệ lên lớp thẳng : 97 % trở lên
- Học sinh bỏ học: Không quá 1%
- Kết quả rèn luyện:

Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
75%	23%	2%	0%

- Kết quả học tập:

Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
27.5%	35%	36%	1.5%

- + Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp: 100 %
- + HS giỏi cấp TP: 04 trở lên
- + HS giỏi cấp TP cấp tỉnh: 02 HS trở lên
- + Thi KHKT cấp tỉnh/ huyện: Phần đầu có ít nhất 01 sản phẩm KHKT dự thi cấp thành phố, cấp tỉnh.
- + Phân luồng sau THCS : 30% trở lên
- + Trúng tuyển vào lớp 10 THPT công lập: 65% trở lên
- + Lớp tiên tiến: 19/19 lớp
- + Lớp tiên tiến xuất sắc: 14/19 lớp
- \* **Đối với đội ngũ:**
  - 100% CB, GV, nhân viên tích cực thực hiện các cuộc vận động do công đoàn và nhà trường phát động.
  - 100% thực hiện nghiêm mọi chế độ chính sách pháp luật của nhà nước.

- 100% CB, GV, NV thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ GDĐT Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo, Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

- 100% CB, GV, NV, HS nhà trường cam kết thực hiện nghiêm túc các nội dung của Quy tắc ứng xử trong nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-NH ngày 07/11/2018 của trường THCS Cao Thắng.

- Hội giảng: Thực hiện theo thông tư 22/2019/TT-BGDĐT quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi

Thao giảng: 2 tiết/giáo viên/năm do tổ nhóm chuyên môn tổ chức, trong đó có ít nhất 1 bài giảng có ứng dụng CNTT.

- Dự giờ:

+ Toán, Ngữ Văn: 10 tiết/ năm; KHTN: 10 tiết/ năm. T.Anh : 8 tiết/ năm; Tin học; Nghệ thuật: 04 tiết/ năm; Lịch sử; Địa lí: : 8 tiết/ năm; GD&ĐT, GDTC: 04 tiết/ năm.

- GVCN giỏi cấp trường : 04

- GV giỏi cấp TP: 04

- GV giỏi cấp tỉnh: 01

- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 06

- Đạt LĐTT: 100%

- Đánh giá CNNGV theo thông tư 20/2018:

+ Tốt: 15% ; Khá : 85%

- Đánh giá viên chức theo nghị định 90/2020/NĐ-CP:

+ Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ: 20% ;

+ Hoàn thành Tốt nhiệm vụ : 80%;

#### • Chỉ tiêu chung với tập thể

- Chi bộ: **Trong sạch vững mạnh**

- Trường đạt danh hiệu: **TIỀN TIẾN**

- Công đoàn đạt danh hiệu: **Hoàn thành tốt nhiệm vụ**

- Chi Đoàn TNCS HCM đạt: **Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**

- Liên Đội TNTPHCM đạt: **LD mạnh cấp tỉnh**
- Thư viện : Đạt mức độ 1
- Sinh hoạt ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, chuyên đề: 01 CD/tổ/năm.; 4 HĐTN; 01 HĐNK/ 01 Tổ/ Năm ; NCBH: 01CD/ nhóm.
- Stem: 03
- Steam: 01
- 01 bài đăng trên trang web trường/ 01 tổ
- 02 gương điển hình tiên tiến

#### **4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Trường THCS Cao Thắng tọa lạc trên một khu đất rộng 8732 m<sup>2</sup>. Thuộc địa phận thôn Phú Nông, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Nguyên trước đây là trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Ngọc.

Ngày 9/6/1988 theo Quyết định số 1193/ UB của UBND thành phố Nha Trang đã tách thành trường PT cấp I Vĩnh Ngọc và trường PT cấp 2 Vĩnh Ngọc.

Ngày 5/5/1995 theo Quyết định số 86/ QĐ-GD của Sở Giáo dục-Đào tạo Khánh Hòa, được đổi tên thành trường THCS Cao Thắng

**5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.**

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Kim Duyên

Số điện thoại: 0383959106

Thư điện tử: [ntkduyen.c2cthang.nt@khanhhoa.edu.vn](mailto:ntkduyen.c2cthang.nt@khanhhoa.edu.vn)

#### **6. Tổ chức bộ máy:**

**a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);**

Quyết định số 1193/ UB của UBND thành phố Nha Trang đã tách thành trường PT cấp I Vĩnh Ngọc và trường PT cấp 2 Vĩnh Ngọc.

Quyết định số 86/ QĐ-GD của Sở Giáo dục-Đào tạo Khánh Hòa, được đổi tên thành trường THCS Cao Thắng.

**b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;**

Quyết định số 118/QĐ- GDĐT ngày 07 tháng 02. năm 2023 của Trưởng Phòng GDĐT Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng trường THCS Cao Thắng, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

**c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;**

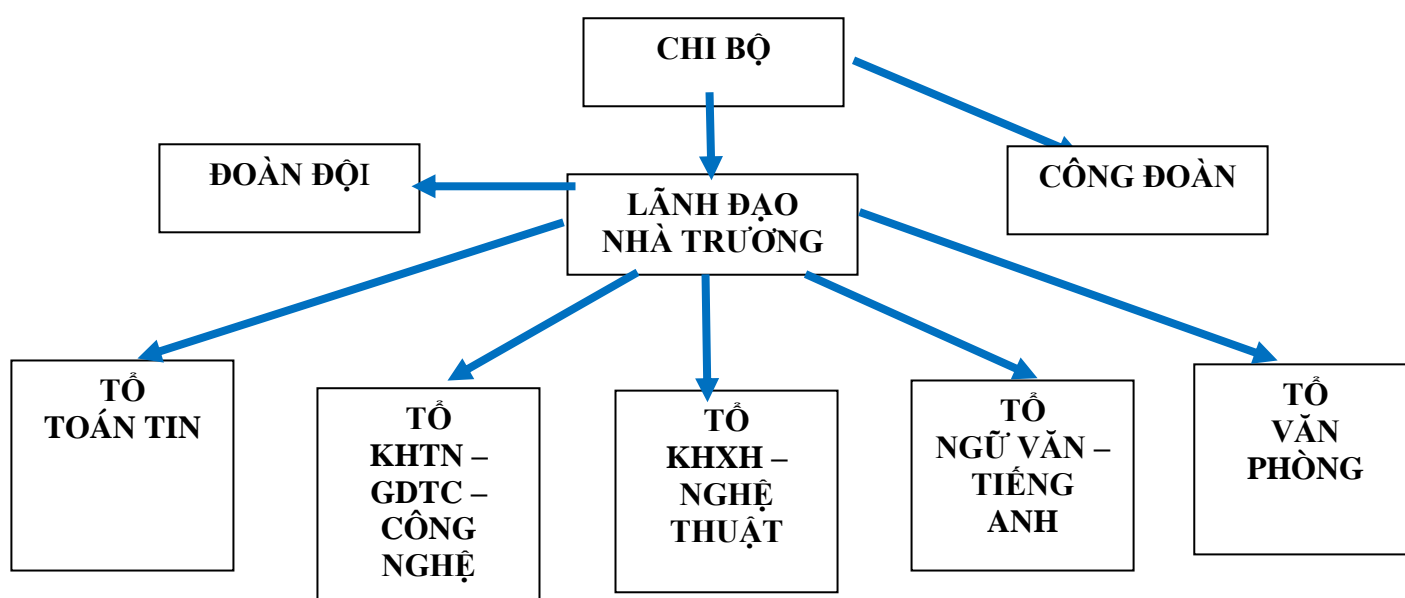
Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 705/QĐ-GDĐT ngày 17/6/2022

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 1378/QĐ-GDĐT ngày 09/9/2022

**d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):**

Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

**Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**



**đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên.**

Quyết định số 1193/ UB của UBND thành phố Nha Trang đã tách thành trường PT cấp I Vĩnh Ngọc và trường PT cấp 2 Vĩnh Ngọc.

Quyết định số 86/ QĐ-GD của Sở Giáo dục-Đào tạo Khánh Hòa, được đổi tên thành trường THCS Cao Thắng.

**e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).**

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Kim Duyên

Số điện thoại: 0383959106

Thư điện tử: [ntkduyen.c2cthang.nt@khanhhoa.edu.vn](mailto:ntkduyen.c2cthang.nt@khanhhoa.edu.vn)

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

Cán bộ quản lý: 02;

Giáo viên: 30 ;

Nhân viên: 03

### a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CD
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	41		2	31	2	1	4	15	15		5	25	1	
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	31		1	30				15	16		5	24	1	
1	Toán	6			6				4	2			6		
2	Lý	2			2				1	1			2		
3	Hóa	2			2					2			2		
4	Sinh	1			1				1				1		
5	GDTC	2			2					2			2		
6	Âm nhạc	1			1					1		1			
7	Mỹ thuật	1			1				1				1		

8	Tiếng Anh	4			4				2	2			4		
9	Ngữ Văn	6		1	4				2	4		2	2	1	
10	Lịch sử	1			1				1				1		
11	Địa lý	2			2					2		1	1		
12	GD công dân	1			1					2		1			
13	Tin học	1			1				2						
14	Công nghệ														
15	TPT Đội	1			1				1						
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	2											2		
1	Hiệu trưởng	1			1					1			2		
2	Phó hiệu trưởng	1		1						1			2		
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>														
1	Nhân viên Văn thư	1					1								
2	Nhân viên Kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên Y tế	0													
5	Nhân viên Thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên bảo vệ, phục vụ HĐ nghị định 111	5				1		4							

**b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định**

- Cán bộ quản lý 02, đạt chuẩn 100%;
- Giáo viên 30, đạt chuẩn 100%;

**c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định**

- Cán bộ quản lý 02, đạt bồi dưỡng 100%;
- Giáo viên 30, đạt bồi dưỡng 100%

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**



## 1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a. Diện tích khu đất xây dựng trường 8732 m<sup>2</sup>,

Điểm trường 01;

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 1.10 m<sup>2</sup>; Đạt yêu cầu

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Stt	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	18	
2	Phòng vi tính	1	
3	Phòng thiết bị	1	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng lap	2	
6	Phòng học bộ môn Lý	1	
7	Phòng học bộ môn Hóa	1	
8	Phòng học bộ môn Sinh	1	
9	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	
10	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0	
11	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	
12	Phòng Hiệu trưởng	1	
13	Phòng P .Hiệu trưởng	1	
14	Phòng Hội đồng	1	
15	Phòng Y tế	1	
16	Phòng Đoàn đội	1	
17	Phòng công đoàn	1	
18	Phòng bảo vệ	1	
19	Sân thể thao	1	
20	Nhà xe học sinh và giáo viên	2	
21	Số máy vi tính	96	
22	Cát xét	2	
23	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	9	
24	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	09	

25	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	08	
26	Camera	10	
27	Sách tham khảo	3406 (Đủ dùng)	
28	Internet	VNPT	

**c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định**

Phòng vi tính 96 chiếc;

Ti vi (thay máy chiếu) có kết nối Internet: 7

Đảm bảo đủ điều kiện học tập

**d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Khối 6,7,8,9 thực hiện Chương trình Phổ thông 2018 với bộ sách Kết nối tri thức, Cánh diều. Bộ sách T.Anh ( Global, success)

### **III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

#### **3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục**

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

##### **1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng**

###### **1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá			
	Không đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1				x
Tiêu chí 1.2			x	
Tiêu chí 1.3				x

Tiêu chí 1.4				X
Tiêu chí 1.5				X
Tiêu chí 1.6				X
Tiêu chí 1.7			X	
Tiêu chí 1.8			X	
Tiêu chí 1.9			X	
Tiêu chí 1.10			X	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1				X
Tiêu chí 2.2				X
Tiêu chí 2.3				X
Tiêu chí 2.4				X
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1				X
Tiêu chí 3.2				X
Tiêu chí 3.3				X
Tiêu chí 3.4			X	
Tiêu chí 3.5				X
Tiêu chí 3.6				X
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1				X
Tiêu chí 4.2				X
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1				X
Tiêu chí 5.2				X
Tiêu chí 5.3			X	
Tiêu chí 5.4			X	

Tiêu chí 5.5				X
Tiêu chí 5.6				X

### **Kết quả: Đạt Mức 3**

**b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.**

Việc tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục là điều cần thiết nhằm giúp cơ sở giáo dục xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục trong thời gian tiếp theo. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, trường THCS Cao Thắng đã tổ chức tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường trên cơ sở đánh giá hiện trạng năm học 2024 -2025. Kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

Tổng số các tiêu chí đạt: 28. Trong đó:

+ Mức 1: Đạt 28/28 tiêu chí.

+ Mức 2: Đạt 28/28 tiêu chí.

+ Mức 3: Đạt 20/28 tiêu chí.

+ Mức 4 : Không đạt.

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 3.

\*Với kết quả các chỉ số và tiêu chí tự đánh giá như trên. Căn cứ Điều 34 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Trường THCS Cao Thắng tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt cấp độ 3 và công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

**4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:**

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp:

*(không thực hiện)*

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

(không thực hiện)

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

TT	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Nữ	Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến	Dân tộc	Học sinh khuyết tật
1	6	5	241	103	0	03		00	
2	7	5	204	105	0	07	10	03	01
3	8	5	160	80	0	05	02	01	01
4	9	4	171	95	0	03	05	00	
<b>Tổng</b>		<b>18</b>	<b>776</b>	<b>383</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>04</b>	<b>02</b>

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số HS chia theo hạnh kiểm</b>	<b>775</b>	<b>240</b>	<b>204</b>	<b>160</b>	<b>171</b>
1	Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	549 70.84%	181 75.42%	149 73.04%	100 62.50%	119 69.59%
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	210 27.10%	52 21.67%	52 25.49%	54 33.75%	52 30.41%
3	Trung bình ( Đạt) (tỷ lệ % so với tổng số)	16 2.06%	07 2.92%	3 1.47%	06 3.75%	00
4	Yếu (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số HS chia theo học lực</b>	<b>775</b>	<b>240</b>	<b>204</b>	<b>160</b>	<b>171</b>
1	Giỏi ( Tốt) (tỷ lệ % so với tổng số)	201 25.94%	63 26.25%	60 29.41%	35 21.85%	43 25.15%

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	291 37.55 %	85 35.42%	73 35.78%	62 38.75%	71 41.52%
3	Trung bình ( Đạt) (tỷ lệ % so với tổng số)	258 33.29%	79 32.92%	65 31.86%	57 35.63%	57 33.33%
4	Yếu ( Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	25 3.23%	13 5.42%	06 6.94%	06 3.75%	0
5	Kém (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>775</b>	<b>240</b>	<b>204</b>	<b>160</b>	<b>171</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	750 96.77%	227 94.5%	198 97%	172 96.25%	171 100%
a	Học sinh giỏi, xuất sắc (tỷ lệ % so với tổng số)	201 25.94%	63 26.25%	60 29.41%	35 21.85%	43 25.15%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ % so với tổng số)					71 41.52%
2	Kiểm tra, đánh giá lại (tỷ lệ % so với tổng số)	25 3.23%	13 5.42%	6 2.94%	6 3.75%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ % so với tổng số)	01 0.1%	00	01 0.5%	00	00

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Học sinh tốt nghiệp lớp 9 đạt 171/171 tỉ lệ 100%.

Học sinh trúng tuyển THPT năm học 2024-2025 là 74 học sinh đạt 58.7%.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

**(không thực hiện)**

## V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

*( Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 sau khi có kết quả thẩm định của phòng tài chính)*

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng

năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	KHOẢN THU	KHỐI 6	KHỐI 7	KHỐI 8	KHỐI 9
<b>1</b>	<b>Các khoản thu theo Công văn</b>				
1.1	Quỹ Đội (Theo CV số 01/HD-TĐTN-SGDĐT ngày 30/9/2022 của Đoàn TNCS HCM và Sở GDĐT Tỉnh Khánh Hoà vv thu, chi quản lý và sử dụng quỹ Đội trong trường học giai đoạn 2022-2027 (Tổng: 36.000 đồng/HS/năm)	36.000/hs	36.000/hs	36.000/hs	36.000/hs
1.2	Tiền BHYT (Thời hạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025) theo công văn số 1831/HDLT-BHXXH-SGDĐT ngày 16/8/2024 của BHXH Tỉnh Khánh Hoà vv thực hiện thu tiền BHYT năm học 2024-2025	694.980đ/hs	694.980đ/hs	694.980đ/hs	694.980đ/hs

<b>2</b>	<b>Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ:</b> Căn cứ Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của Hội				
----------	--	--	--	--	--

	đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà				
2.1	<p style="text-align: center;"><b>Tiền học thêm</b>  <b>Thu 10.000 đồng/ tiết (Theo môn )</b></p>				
2.2	Tiền nước uống thu 9 tháng (5.000đ/HS/tháng)	45.000đ/ hs	45.000đ/hs	45.000đ/hs	45.000đ/ hs
2.3	Tiền bảng tên tối đa 6 cái ( 2.000đ/cái/)	12.000đ/ hs	12.000đ/hs	12.000đ/hs	12.000đ/ hs
2.4	Sổ liên lạc điện tử ( 50.000đ/hs/NH)	50.000đ/ hs	50.000đ/hs	50.000đ/hs	50.000đ/ hs
2.5	Tiền vệ sinh thu 9 tháng (7.000đ/hs/tháng)	63.000đ/ hs	63.000đ/hs	63.000đ/hs	63.000đ/ hs
3	<b>Các khoản thu theo thỏa thuận</b>				
3.1	Quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh thu trên tinh thần tự nguyện theo thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT quy định mức thu và sử dụng kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS	Vận động	Vận động	Vận động	Vận động



## **V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Tham gia các cuộc thi**

- Thi học sinh giỏi các cấp:
- + Cấp thành phố: Đạt 4 giải. (01 giải Ba, 03 giải Khuyến khích).
- + Cấp Tỉnh: Đạt 01 giải. (01 giải Khuyến khích).
- Thi sáng tạo KHKT: + Cấp thành phố: Đạt 01 giải Tư.

### **2. Tổ chức các hoạt động khác**

- Tổ chức Đêm hội trăng rằm
- Thực hiện phong trào Kế hoạch nhỏ đạt 1956 kg.
- Tổ chức “Hành trình đến với địa chỉ đỏ” tại Khu tưởng niệm Gạc Ma.
- Tổ chức hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa, “Uống nước nhớ nguồn” thông qua các hoạt động: Thăm và tặng quà gia đình Bác Phạm văn Dân cựu chiến binh 23/10 ( Xuân Lạc)
- Tuyên truyền, giáo dục cho thiếu nhi thực hiện nghiêm túc nề nếp, kỷ cương học đường, ý thức chấp hành pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn giao thông qua các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống như: Nói không với bạo lực học đường và xâm hại trẻ em; Chăm sóc sức khỏe vị thành niên; Phổ biến luật An toàn giao thông; Kỹ năng khai thác, sử dụng Internet phục vụ nhu cầu học trực tuyến và giải trí an toàn, hiệu quả; Kỹ năng phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích, cứu hộ cứu nạn; Tuyên truyền tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử.
- Phối hợp với đội cảnh sát PCCC&CNCH công an thành phố Nha Trang, tổ chức nhiều đợt tuyên truyền cho CB, GV, NV, HS về kiến thức, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.
- Triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình cổng trường an toàn giao thông. Và nhiều hoạt động phong phú khác...

### **3. Kết quả đánh giá xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể**

- Chi bộ: Năm 2023, xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Công đoàn cơ sở: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Liên Đội: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Liên Đội mạnh cấp tỉnh.

### **4. Kết quả đánh giá viên chức và thi đua cuối năm học**

- Kết quả đánh giá viên chức: 37/38 (tỷ lệ 97.4%) cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trong đó: cá nhân HTXSNV là: 08/38 (21%); cá nhân HTTNV: 29/38 (76.3%) - Kết quả thi đua tập thể:

+ UBND thành phố công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

- Kết quả thi đua cá nhân: 37/38 (tỷ lệ 97.4%) CBQL-GV-NV đạt Lao động tiên tiến (100%), trong đó có 02 chiến sĩ thi đua cơ sở.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2023-2024 về thực hiện công khai trong hoạt động của trường THCS Cao Thắng (theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)./.

***Nơi nhận:***

- Phòng GDĐT Nha Trang (để báo cáo);
- Đảng ủy, HĐGD xã Vĩnh Ngọc (để báo cáo);
- Ban ĐD CMHS (để phối hợp);
- Niêm yết bảng tin,
- Website trường;
- Các tổ CM, VP, đoàn thể (VBĐT);
- Lưu: VT, HT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Kim Duyên**





